

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26/3/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Đình và bà Nguyễn Thị Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thu, Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HPT-QĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hôn nhân:

Nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm sống, ông M không có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt nên bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột (thôn C, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên) để sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm thực sự không còn nên bà T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung:

Bà T khai vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Nhiên K, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2014 và Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2018 (hiện đang ở với bà T tại thôn C, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên).

Bà T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung K và Q, không yêu cầu ông M đóng góp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại hồ sơ vụ án thể hiện:* Ông Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng hiện nay ông Nguyễn Văn M không có mặt tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện Đ đã nhiều lần làm việc và tổng đạt các thủ tục của ông Nguyễn Văn M cho cha ruột ông M là ông Nguyễn A. Qua xác minh, ông Nguyễn A xác định là liên lạc với ông M về việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông M có nói là không hợp tác theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với gia đình ông M tại địa phương như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc công khai chứng cứ, thông báo về các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Đào Thị T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông M vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông M.

- Về quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con, đề nghị HĐXX giao các cháu Nguyễn Nhiên K và Nguyễn Trúc Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Bà T không yêu cầu ông M đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn M đã cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc với Tòa và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn M vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ theo giấy chứng nhận

kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2012. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông M không có trách nhiệm với vợ con, cả hai luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn xảy ra bà T đã đưa con về nhà cha mẹ ruột tại thôn C, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên để sinh sống, riêng ông M bỏ mặt không quan tâm gì đến vợ con. Thực tế giữa bà T và ông M ly thân không còn chung sống với nhau đã gần 03 năm nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra bà T đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bà T có nguyện vọng nuôi con. Hiện tại bà T làm cửa hàng trưởng của siêu thị và thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, các cháu K và Q còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu K và Q do bà T nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ông M bỏ mặt không quan tâm gì đến con cái. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông M đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Đào Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.
- **Về con chung:** Giao 02 con chung là Nguyễn Nhiên K, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2014 và Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2018 cho bà Đào Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu K và Q đủ 18 tuổi (hiện các cháu K và Q đang ở với bà T tại thôn C, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên).

Bà T không yêu cầu ông M đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** (Không yêu cầu giải quyết).

- **Về án phí:** Bà Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu 0003792 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- **Về quyền kháng cáo:** Bà Đào Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

